

Số: **695** /QĐ-LTT-TTDT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **7** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học”;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên”;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 26 tháng 03 năm 2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 76 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh Quốc gia tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 26/03/2017 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh trình độ B và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành. /*ms*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTDTLTT.



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 26/3/2017
(Kèm theo Quyết định số 695.../QĐ-LTT-TTĐT ngày...12.../7.../2017
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trung bình	Xếp loại
1	BK100001	Thiên Akazet	17/10/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐC02	6,5	Trung bình
2	BK100002	Mohamed Alsari	19/08/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐT01	5,5	Trung bình
3	BK100003	Nguyễn Trường An	31/01/1996	Vĩnh Long	14CĐ-OT01	5,5	Trung bình
4	BK100007	Phạm Thiên Ân	05/01/1996	Kiên Giang	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
5	BK100010	Phan Thanh Bạo	24/08/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-CK01	6,0	Trung bình
6	BK100013	Lê Cao Cường	08/09/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
7	BK100018	Nguyễn Thái Duy	01/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
8	BK100019	Phạm Duy	09/10/1996	Đồng Nai	14CĐ-CK03	5,5	Trung bình
9	BK100020	Văn Xuân Duy	02/02/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	5,0	Trung bình
10	BK100021	Đỗ Xuân Gia			13CĐ-CK3	5,0	Trung bình
11	BK100028	Nguyễn Công Hiếu	04/01/1996	Bình Phước	14CĐ-TP02	5,5	Trung bình
12	BK100029	Trương Minh Hiếu	10/10/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK01	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trung bình	Xếp loại
13	BK100030	Đỗ Văn Hòa	25/12/1995	Bình Định	13CĐ-Ô1	6,0	Trung bình
14	BK100031	Nguyễn Thái Hòa	25/08/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT01	5,5	Trung bình
15	BK100033	Trần Nhật Hoàng	06/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
16	BK100034	Nguyễn Xuân Học	26/01/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	5,5	Trung bình
17	BK100035	Phan Trường Học	22/06/1995	Bình Định	14CĐ-CK01	6,0	Trung bình
18	BK100036	Trần Văn Hùng	21/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT05	6,5	Trung bình
19	BK100037	Dur Quốc Hưng			14CĐ-TM01	6,0	Trung bình
20	BK100038	Đỗ Thị Cẩm Hương	10/12/1995	Bến Tre	14CĐ-MT01	6,0	Trung bình
21	BK100039	Lê Minh Đức Huy	03/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
22	BK100041	Nguyễn Quang Huy	11/10/1996	Đà Nẵng	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
23	BK100042	Dương Minh Kha	05/12/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
24	BK100043	Lê Minh Khánh	27/11/1996	Ninh Thuận	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
25	BK100045	Nguyễn Trung Kiên	06/01/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
26	BK100046	Nguyễn Tuấn Kiệt	13/01/1995	Vĩnh Long	14CĐ-CK02	5,0	Trung bình
27	BK100049	Nguyễn Ngọc Luân	10/06/1993	Lâm Đồng	14CĐ-OT02	5,5	Trung bình
28	BK100050	Bùi Văn Minh	06/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
29	BK100051	Lại Hoàng Minh	03/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	5,5	Trung bình
30	BK100052	Trần Thiện Minh	09/09/1996	Long An	14CĐ-CK02	5,0	Trung bình
31	BK100053	Nguyễn Hải Nam	16/12/1996	Bình Định	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình

mm

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trung bình	Xếp loại
32	BK100054	Nguyễn Huỳnh Nam	22/11/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
33	BK100055	Bành Đại Nghĩa	23/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK02	5,5	Trung bình
34	BK100056	Nguyễn Văn Nghĩa	03/05/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	5,0	Trung bình
35	BK100057	Trần Hữu Nghĩa	24/04/1995	Long An	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
36	BK100058	Trần Ngọc Ngọc	15/08/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-CK02	5,5	Trung bình
37	BK100059	Huỳnh Minh Nhân	29/01/1996	Long An	14CĐ-CK01	5,5	Trung bình
38	BK100060	Cao Duy Nhân	18/05/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	5,5	Trung bình
39	BK100061	Đình Quang Nhân	01/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	7,0	Khá
40	BK100062	Hồ Xuân Nhân	14/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT05	6,5	Trung bình
41	BK100063	Lê Vũ Khắc Nhân	17/10/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC02	7,0	Khá
42	BK100064	Trương Quang Nhật	16/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐT01	6,5	Trung bình
43	BK100065	Lê Nhựt Nhi	30/12/1996	An Giang	14CĐ-OT04	5,5	Trung bình
44	BK100066	Lê Thị Yến Nhi	18/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-MT01	6,0	Trung bình
45	BK100067	Trần Trung Nhường	15/02/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
46	BK100068	Trần Văn Nhựt	02/06/1996	Phú Yên	14CĐ-CK01	6,0	Trung bình
47	BK100069	Võ Tiến Phát	04/11/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	13CĐ-Đ2	5,5	Trung bình
48	BK100070	Phan Anh Phúc	22/12/1994	Bình Phước	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
49	BK100071	Trương Phú Phúc	15/11/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	5,5	Trung bình
50	BK100072	Đặng Văn Quang	03/09/1994	Vĩnh Phúc	13CĐ-CK4	5,5	Trung bình

mak

TT	Số bảo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trung bình	Xếp loại
51	BK100073	Ngô Thanh Quý	15/01/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT05	6,0	Trung bình
52	BK100074	Lê Thành Quyên	08/08/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
53	BK100075	Đỗ Vũ Thanh Sang	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	5,5	Trung bình
54	BK100076	Hồ Giang Sang	20/11/1996	Cà Mau	14CĐ-NL01	6,0	Trung bình
55	BK100077	Huỳnh Anh Sĩ	20/02/1994	Bình Định	14CĐ-OT01	6,0	Trung bình
56	BK100078	Đồng Phước Sơn	24/10/1996	Quảng Nam	14CĐ-OT02	5,0	Trung bình
57	BK100079	Lê Trần Tứ Thạch	27/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
58	BK100080	Hà Hoàng Thái	25/08/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐC02	5,5	Trung bình
59	BK100081	Ninh Văn Thắng	03/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT02	5,0	Trung bình
60	BK100082	Phạm Duy Thắng	03/04/1995	Thái Nguyên	14CĐ-ĐC01	5,5	Trung bình
61	BK100083	Nguyễn Trung Thanh	11/12/1995	Bến Tre	14CĐ-OT02	5,0	Trung bình
62	BK100084	Lê Quang Thịnh	01/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	5,0	Trung bình
63	BK100086	Nguyễn Ngọc Thông	18/10/1995	Hàm Tân, Bình Thuận	13CĐ-Đ2	5,0	Trung bình
64	BK100087	Đỗ Tấn Tiền	11/07/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐC02	5,5	Trung bình
65	BK100088	Nguyễn Văn Tình	04/05/1994	Vĩnh Phúc	14CĐ-OT04	5,5	Trung bình
66	BK100089	Phạm Tấn Tới	18/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
67	BK100090	Hồ Văn Trí	09/01/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
68	BK100091	Phan Minh Trí	10/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	7,5	Khá
69	BK100092	Nguyễn Ngọc Triết	22/11/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT02	5,0	Trung bình

note

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trung bình	Xếp loại
70	BK100097	Nguyễn Khánh Tường	10/06/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT02	6,0	Trung bình
71	BK100098	Nguyễn Văn Ty	26/03/1996	Bình Thuận	14CĐ-TP02	6,0	Trung bình
72	BK100103	Đỗ Trần Anh Vũ	05/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	5,5	Trung bình
73	BK100104	Đoàn Tuấn Vũ	11/12/1995	Bình Long, Bình Phước	13CĐ-Đ2	5,0	Trung bình
74	BK100106	Nguyễn Văn Vương	22/02/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK02	5,0	Trung bình
75	BK100109	Nguyễn Đức Thịnh	10/07/1996	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	5,5	Trung bình
76	BK100044	Nguyễn Trọng Khoa	12/10/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 76 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - NGÀY 26/3/2017

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
1	BK100001	Thiên Akazet	17/10/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐC02	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
2	BK100002	Mohamed Alsari	19/08/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐT01	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
3	BK100003	Nguyễn Trường An	31/01/1996	Vĩnh Long	14CĐ-OT01	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
4	BK100004	Nguyễn Văn An	19/05/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐC01	4,0	3,0	6,0	4,5	Không đạt
5	BK100005	Tăng Tấn Tường An	07/11/1996	Bình Dương	14CĐ-OT02	5,0	3,5	5,0	4,5	Không đạt
6	BK100006	Nguyễn Thanh Ân	12/05/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	3,5	2,5	0,0	4,5	Không đạt
7	BK100007	Phạm Thiên Ân	05/01/1996	Kiên Giang	14CĐ-ĐC01	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
8	BK100008	Nguyễn Hồ Minh Anh	19/12/1995		14CĐ-OT01	3,5	3,0	5,0	4,0	Không đạt
9	BK100009	Thái Nhật Anh	03/07/1995	Đồng Tháp	14CĐ-ĐC01	3,5	3,5	5,0	4,0	Không đạt
10	BK100010	Phan Thanh Bạo	24/08/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-CK01	5,5	4,0	9,0	6,0	Trung bình
11	BK100011	Thới Huy Biên	23/11/1993	Quảng Ngãi	14CĐ-OT05	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt
12	BK100012	Lê Bình	14/01/1995		14CĐ-TP02	3,0	6,0	3,0	4,0	Không đạt
13	BK100013	Lê Cao Cường	08/09/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
14	BK100014	Nguyễn Chí Cường	17/01/1996	Kiên Giang	14CĐ-OT02	5,0	4,0	4,0	4,5	Không đạt
15	BK100017	Đỗ Trọng Dũng	05/09/1996	Thanh Hoá	14CĐ-ĐC01	2,5	5,5	3,0	3,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
16	BK100018	Nguyễn Thái Duy	01/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT04	5,0	3,5	7,0	5,0	Trung bình
17	BK100019	Phạm Duy	09/10/1996	Đồng Nai	14CĐ-CK03	5,0	4,5	8,0	5,5	Trung bình
18	BK100020	Văn Xuân Duy	02/02/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	5,5	4,5	4,0	5,0	Trung bình
19	BK100021	Đỗ Xuân Gia			13CĐ-CK3	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
20	BK100022	Lê Tiến Hải	08/08/1991	Sông Bé	13CĐ-CK4	2,5	2,5	3,0	2,5	Không đạt
21	BK100023	Phạm Hoài Hận			14CĐ-OT01	2,5	2,5	8,0	4,0	Không đạt
22	BK100024	Trương Thị Hằng	23/11/1996	Hà Tĩnh	14CĐ-MT01	2,5	4,5	5,0	3,5	Không đạt
23	BK100026	Dương Minh Hiếu	11/12/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT02	2,5	4,0	6,0	4,0	Không đạt
24	BK100027	Lê Chí Hiếu	08/01/1991	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	4,0	4,0	4,0	4,0	Không đạt
25	BK100028	Nguyễn Công Hiếu	04/01/1996	Bình Phước	14CĐ-TP02	5,0	4,0	7,0	5,5	Trung bình
26	BK100029	Trương Minh Hiếu	10/10/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK01	6,5	4,0	9,5	6,5	Trung bình
27	BK100030	Đỗ Văn Hóa	25/12/1995	Bình Định	13CĐ-Ô1	6,0	4,5	8,0	6,0	Trung bình
28	BK100031	Nguyễn Thái Hòa	25/08/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT01	5,0	4,0	7,0	5,5	Trung bình
29	BK100032	Nguyễn Công Hoàng			14CĐ-CK01	4,5	4,0	3,0	4,0	Không đạt
30	BK100033	Trần Nhật Hoàng	06/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	3,5	6,0	7,0	5,0	Trung bình
31	BK100034	Nguyễn Xuân Học	26/01/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
32	BK100035	Phan Trường Học	22/06/1995	Bình Định	14CĐ-CK01	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
33	BK100036	Trần Văn Hùng	21/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT05	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
34	BK100037	Dư Quốc Hưng			14CĐ-TM01	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
35	BK100038	Đỗ Thị Cẩm Hương	10/12/1995	Bến Tre	14CĐ-MT01	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình

rau

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
36	BK100039	Lê Minh Đức Huy	03/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT04	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
37	BK100040	Nguyễn Ngọc Huy	08/08/1995	Bình Dương	14CĐ-OT02	4,5	4,5	3,0	4,0	Không đạt
38	BK100041	Nguyễn Quang Huy	11/10/1996	Đà Nẵng	14CĐ-OT04	4,5	4,0	7,0	5,0	Trung bình
39	BK100042	Dương Minh Kha	05/12/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT05	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
40	BK100043	Lê Minh Khánh	27/11/1996	Ninh Thuận	14CĐ-OT04	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
41	BK100044	Nguyễn Trọng Khoa	12/10/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	4,0	5,0	7,0	5,0	Trung bình
42	BK100045	Nguyễn Trung Kiên	06/01/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
43	BK100046	Nguyễn Tuấn Kiệt	13/01/1995	Vĩnh Long	14CĐ-CK02	3,0	7,5	6,0	5,0	Trung bình
44	BK100047	Nguyễn Ngọc Linh	28/08/1996	Bình Phước	14CĐ-OT01	2,0	7,0	5,0	4,0	Không đạt
45	BK100048	Nguyễn Đức Long	29/07/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT05	2,0	8,0	5,0	4,5	Không đạt
46	BK100049	Nguyễn Ngọc Luân	10/06/1993	Lâm Đồng	14CĐ-OT02	3,5	8,5	6,0	5,5	Trung bình
47	BK100050	Bùi Văn Minh	06/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	3,5	8,0	5,0	5,0	Trung bình
48	BK100051	Lại Hoàng Minh	03/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	4,0	8,0	6,0	5,5	Trung bình
49	BK100052	Trần Thiện Minh	09/09/1996	Long An	14CĐ-CK02	3,5	6,5	7,0	5,0	Trung bình
50	BK100053	Nguyễn Hải Nam	16/12/1996	Bình Định	14CĐ-OT04	4,0	9,0	6,0	6,0	Trung bình
51	BK100054	Nguyễn Huỳnh Nam	22/11/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	4,0	9,0	6,0	6,0	Trung bình
52	BK100055	Bành Đại Nghĩa	23/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK02	4,0	6,5	7,0	5,5	Trung bình
53	BK100056	Nguyễn Văn Nghĩa	03/05/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	3,0	8,0	5,0	5,0	Trung bình
54	BK100057	Trần Hữu Nghĩa	24/04/1995	Long An	14CĐ-OT04	3,0	8,0	6,0	5,0	Trung bình
55	BK100058	Trần Ngọc Ngọc	15/08/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-CK02	3,0	9,0	7,0	5,5	Trung bình

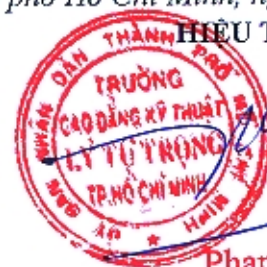
TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
56	BK100059	Huỳnh Minh Nhân	29/01/1996	Long An	14CĐ-CK01	3,0	9,0	7,0	5,5	Trung bình
57	BK100060	Cao Duy Nhân	18/05/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	3,0	8,5	7,0	5,5	Trung bình
58	BK100061	Đinh Quang Nhân	01/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	5,0	9,0	8,0	7,0	Khá
59	BK100062	Hồ Xuân Nhân	14/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT05	5,0	9,0	6,0	6,5	Trung bình
60	BK100063	Lê Vũ Khắc Nhân	17/10/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC02	6,0	9,5	7,0	7,0	Khá
61	BK100064	Trương Quang Nhật	16/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐT01	4,5	9,0	7,0	6,5	Trung bình
62	BK100065	Lê Nhựt Nhi	30/12/1996	An Giang	14CĐ-OT04	3,5	9,0	6,0	5,5	Trung bình
63	BK100066	Lê Thị Yến Nhi	18/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-MT01	3,5	9,0	7,0	6,0	Trung bình
64	BK100067	Trần Trung Nhường	15/02/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP01	4,0	8,5	7,0	6,0	Trung bình
65	BK100068	Trần Văn Nhựt	02/06/1996	Phú Yên	14CĐ-CK01	3,5	9,0	7,0	6,0	Trung bình
66	BK100069	Võ Tiến Phát	04/11/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	13CĐ-Đ2	5,0	8,5	4,0	5,5	Trung bình
67	BK100070	Phan Anh Phúc	22/12/1994	Bình Phước	14CĐ-OT05	4,0	7,5	4,0	5,0	Trung bình
68	BK100071	Trương Phú Phúc	15/11/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	4,0	7,5	6,0	5,5	Trung bình
69	BK100072	Đặng Văn Quang	03/09/1994	Vĩnh Phúc	13CĐ-CK4	4,5	7,0	5,0	5,5	Trung bình
70	BK100073	Ngô Thanh Quý	15/01/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT05	5,0	6,5	7,0	6,0	Trung bình
71	BK100074	Lê Thành Quyên	08/08/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	5,0	8,5	5,0	6,0	Trung bình
72	BK100075	Đỗ Vũ Thanh Sang	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	4,5	8,5	5,0	5,5	Trung bình
73	BK100076	Hồ Giang Sang	20/11/1996	Cà Mau	14CĐ-NL01	5,0	7,5	6,0	6,0	Trung bình
74	BK100077	Huỳnh Anh Sĩ	20/02/1994	Bình Định	14CĐ-OT01	5,0	8,0	5,0	6,0	Trung bình
75	BK100078	Đồng Phước Sơn	24/10/1996	Quảng Nam	14CĐ-OT02	3,5	8,5	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
76	BK100079	Lê Trần Tứ Thạch	27/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	3,5	8,5	6,0	5,5	Trung bình
77	BK100080	Hà Hoàng Thái	25/08/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐC02	3,5	8,0	6,0	5,5	Trung bình
78	BK100081	Ninh Văn Thắng	03/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT02	3,5	9,0	4,0	5,0	Trung bình
79	BK100082	Phạm Duy Thắng	03/04/1995	Thái Nguyên	14CĐ-ĐC01	3,5	6,0	8,0	5,5	Trung bình
80	BK100083	Nguyễn Trung Thanh	11/12/1995	Bến Tre	14CĐ-OT02	3,5	8,5	5,0	5,0	Trung bình
81	BK100084	Lê Quang Thịnh	01/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	3,5	8,0	4,0	5,0	Trung bình
82	BK100086	Nguyễn Ngọc Thông	18/10/1995	Hàm Tân, Bình Thuận	13CĐ-Đ2	3,5	8,5	4,0	5,0	Trung bình
83	BK100087	Đỗ Tấn Tiền	11/07/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐC02	3,5	9,0	6,0	5,5	Trung bình
84	BK100088	Nguyễn Văn Tình	04/05/1994	Vĩnh Phúc	14CĐ-OT04	3,5	9,0	5,0	5,5	Trung bình
85	BK100089	Phạm Tấn Tới	18/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	3,5	8,0	5,0	5,0	Trung bình
86	BK100090	Hồ Văn Trí	09/01/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT05	3,5	6,5	6,0	5,0	Trung bình
87	BK100091	Phan Minh Trí	10/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	7,0	7,5	8,0	7,5	Khá
88	BK100092	Nguyễn Ngọc Triết	22/11/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT02	5,5	4,5	4,0	5,0	Trung bình
89	BK100093	Nguyễn Văn Trọng	24/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	5,0	2,5	4,0	4,0	Không đạt
90	BK100094	Quách Khén Trương	29/01/1995	Cà Mau	14CĐ-OT05	5,0	3,5	4,0	4,5	Không đạt
91	BK100095	Lê Văn Tú	05/04/1995	Tây Ninh	14CĐ-OT04	5,0	3,0	4,0	4,5	Không đạt
92	BK100096	Nguyễn Anh Tuấn	15/07/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT01	3,0	4,0	6,0	4,0	Không đạt
93	BK100097	Nguyễn Khánh Tường	10/06/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT02	6,5	5,5	6,0	6,0	Trung bình
94	BK100098	Nguyễn Văn Ty	26/03/1996	Bình Thuận	14CĐ-TP02	5,0	7,0	7,0	6,0	Trung bình
95	BK100099	Lê Xuân Vĩ	25/09/1994	Quảng Ngãi	14CĐ-NL01	3,5	4,0	6,0	4,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Đọc + Viết	Nghe	Nói	Trung bình	Xếp loại
96	BK100100	Đặng Thanh Vinh	10/12/1995	Bình Thuận	14CĐ-OT01	5,0	3,0	5,0	4,5	Không đạt
97	BK100101	Trương Phúc Vinh	23/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	4,0	1,0	5,0	3,5	Không đạt
98	BK100102	Hà Thanh Vĩnh	06/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	5,0	3,5	5,0	4,5	Không đạt
99	BK100103	Đỗ Trần Anh Vũ	05/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	5,0	4,0	7,0	5,5	Trung bình
100	BK100104	Đoàn Tuấn Vũ	11/12/1995	Bình Long, Bình Phước	13CĐ-Đ2	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
101	BK100105	Hồ Ngọc Vương	24/12/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT04	5,5	3,0	4,0	4,5	Không đạt
102	BK100106	Nguyễn Văn Vương	22/02/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK02	5,0	3,5	6,0	5,0	Trung bình
103	BK100107	Nguyễn Hoài Yên	00/00/1995	Cà Mau	14CĐ-OT04	4,5	2,0	4,0	4,0	Không đạt
104	BK100108	Trần Thanh Vương	18/01/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-CK01	5,5	1,5	5,0	4,5	Không đạt
105	BK100109	Nguyễn Đức Thịnh	10/07/1996	Đắk Lắk	14CĐ-OT02	5,5	4,5	7,0	5,5	Trung bình
106	BK100110	Nguyễn Hoàng Tâm	05/12/1994	Ninh Thuận	12CĐ-Đ2	4,0	4,5	5,0	4,5	Không đạt
107	BK100112	Nguyễn Hoài Phøn; Vũ	18/11/1994	Ninh Thuận	12CĐ-Đ2	3,5	2,5	5,0	4,0	Không đạt
108	BK100113	Nguyễn Văn Hàng	16/04/1996	Long An	14CĐ-OT04	5,0	3,0	5,0	4,5	Không đạt
109	BK100114	Nguyễn Ngọc Quốc Hoàng	12/04/1993	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	6,0	2,0	7,0	5,0	Không đạt
110	BK100115	Nguyễn Đạt Nhất	24/07/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	3,0	4,0	5,0	4,0	Không đạt
111	BK100116	Lâm Văn Lộc	06/09/1996	Bình Thuận	14CĐ-NL01	4,0	3,0	7,0	4,5	Không đạt

Tổng cộng danh sách có 111 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2017



Phạm Hữu Lộc